

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 12 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						285 524	104 357	181 167			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>31 896</u>	-	<u>31 896</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>1 040</i>		<i>1 040</i>			
1		CP HÀNG HẢI VN	09/09	1145/08		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						30 856		30 856			
1		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CẨM 1	900		900		TD	
2		KDT CẦU ĐUÔNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
3		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CẨM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	
4		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
5		KDT BẮC THÁI	22/08	1196/08		BN 1158	CẨM 1	850		850		TD	
6		KDT BẮC THÁI	26/08	1998/08		BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
7		KDT BẮC THÁI	30/08	1205/08		NB 8011	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
8		KDT BẮC THÁI	30/08	1206/08		BN 1363	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
9		KDT BẮC THÁI	30/08	1207/08		NB 8111	CẨM 1	1 986		1 986		TD	
10		KDT HÀ BẮC	31/08	1209/08		BN 2168	CẨM 6A.1	1 500		1 500		PTCB	
11		ĐT TM DV	01/09	1215/09		BN 1336	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020		TD	
12		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/09		BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
13		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/09		BN 1348	CỤC XÔ 1C	990		990		TD	
14		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1229/09	19/09	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
17		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
18		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CẨM 1	900		900		TD	
19		SÔNG HỒNG	08/09	1236/09		BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
20		CP TTC	09/09	1241/09		HN 2089	CỤC 4A.1	1 250		1 250		TD	
21		THAN MIỀN NAM	09/09	1242/09		VIỆT THUẬN 095-02	CẨM 5A.1	9 000		9 000			
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>109 100</u>	<u>38 360</u>	<u>70 740</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						71 900	38 360	33 540			
1		DIỆN VĨNH TÂN 2	08/09	1239/09		HẢI NAM 79	CẨM 6A.10	27 400	9 752	17 648	DỖ		KDTC:P:11.000 - CLM:13.000 - KVCP:3,400
2		DIỆN DUYÊN HẢI	03/09	1224/08		VIỆ THUẬN 30-05	CẨM 5B.14	25 500	15 707	9 793	DỖ		KDTC:P:14.000 - TTHG:21.500
3		DIỆN VŨNG ÁNG	03/09	1223/08		VIỆT THUẬN 169	CẨM 5A.10	19 000	12 901	6 099	DỖ		CLM:9.034,38 - TTCO:9.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						37 200		37 200			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 12 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	01/09	1213/09		VIỆT THUẬN 075-01	CẨM 6A.14	7 300		7 300			
3		ĐIỆN VŨNG ANG	01/09	1214/09		STAR CITY	CẨM 5A.10	21 300		21 300			
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>36 771</u>	<u>3 410</u>	<u>33 361</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>3 450</i>	<i>3 410</i>	<i>40</i>			
1		XD CN MỎ	09/9	373	16/9	BN - 2203	CẨM 8B	1 450	1 418	32	11/9	TD	
2		NGHỆ TỈNH	09/9	337	23/9	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	2 000	1 992	8	11/9	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>33 321</i>		<i>33 321</i>			
1		COALIMEX	01/9	1058/8	15/9	BN - 1758	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
2		SÔNG HỒNG	04/9	50/8	16/9	BN - 2566	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
3		CP VT THUỶ	04/9	92	18/9	BN - 1626	CẨM 8A	900		900		TD	
4		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7B	945		945		TD	
5		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
6		XD CN MỎ	07/9	251/7	21/9	BN - 2128	CUC 1B	1 280		1 280		TD	
7		CP ĐTTM&DV	05/9	144	20/9	BN - 1883	CUC 1B	1 030		1 030		TD	
8		CP ĐTTM&DV	05/9	145	20/9	BN - 1296	CUC 1B	1 050		1 050		TD	
9		COALIMEX	05/9	164	20/9	BN - 1809	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
10		CP SXTM THAN UỐNG BÍ	07/9	171	21/9	BN - 1468	CẨM 7C	1 149		1 149		TD	
11		CP SXTM THAN UỐNG BÍ	06/9	208	20/9	BN - 2122	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	
12		NINH BÌNH	07/9	252	21/9	HD 6899	CẨM 7B	2 754		2 754		PT CB	
13		CP HÀNG HẢI VN	07/9	254	21/9	BN - 2633	CẨM 8A	1 837		1 837		TD	
14		CP HÀNG HẢI VN	07/9		21/9	BN - 1799	CUC 1B	1 090		1 090		TD	
15		CP ĐTTM&DV	08/9	292	22/9	BN - 1959	CUC 1C	1 100		1 100		TD	
16		MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CẨM 7B	1 000		1 000		TD	
17		MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CUC 1A	930		930		TD	
18		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	10/9	412	17/9	BN - 2005	CẨM 8A	1 542		1 542		TD	
19		HẢI PHÒNG	10/9	413	17/9	BN - 2699	CẨM 8A	1 963		1 963		TD	
20		CP VT&KD THAN	10/9	417	17/9	NB - 8881	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
21		CP HÀNG HẢI VN	10/9	1157/8	17/9	BN - 2556	CẨM 8A	1 691		1 691		TD	
22		NINH BÌNH	11/9	443	18/9	BN - 1309	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
23		XD CN MỎ	11/9	451	18/9	BN - 1789	CUC 1B	1 280		1 280		TD	
24		HÀ NỘI	11/9	452	18/9	BN - 0869	CUC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 12 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
25		CÁU ĐUÔNG	11/9	456	18/9	BN - 1883	CUC 1B	1 200		1 200		TD	
26		MIỀN BẮC	11/9	457	18/9	BN - 2368	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	
III		KHO BẢO NGUYỄN						1 790	-	1 790			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						1 790		1 790			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	10/9	416/9	24/9	QN 5634	CẨM 5B.14	1 790		1 790			
IV		KHO CẢNG KM6						34 467	15 630	18 837			
		Tàu đã làm hàng						15 690	15 630	60			
1		KDT MIỀN BẮC	08/9	315	22/9	HP 5982	Cẩm 6a.1	1 690	1 685	5	10/9	CBPT	
2		KDT HẢI PHÒNG	09/9	361	23/9	HP 5925	Cẩm 5b.1	1 500	1 491	9	10/9	CBPT	
3		THAN MIỀN NAM	09/9	359	23/9	STAR 01	Cục 4a.2	1 400	1 396	4	10/9		
4							Cẩm 5a.1	1 750	1 742	8	10/9		
5		CBT QUẢNG NINH	10/9	377	24/9	VINACOMIN TĐ 056-03	Cẩm 5b.1	5 400	5 378	22	10/9	CBPT	
6		KDT MIỀN BẮC	10/9	399	24/9	BN 1589	Cẩm 6a.1	1 600	1 591	9	10/9	CBPT	
7		KDT MIỀN BẮC	10/9	397	24/9	ND 4349	Cẩm 5b.1	2 350	2 347	3	10/9	CBPT	
		Tàu đã làm lệnh						18 777		18 777			
1		KDT MIỀN BẮC	10/9	392	24/9	TB 1619	Cẩm 5a.1	2 600		2 600		CBPT	
2		KDT HÀ BẮC	10/9	395	24/9	BN 1828	Cẩm 5b.1	2 250		2 250		CBPT	
3		VTT VINACOMIN	08/9	289	22/9	BN 1079	Đon 8a	1 030		1 030		CBPT	
4		KDT HẢI PHÒNG	10/9	100	24/9	HD 6818	Cẩm 6b.1	1 850		1 850		CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	11/9	438	25/9	BN 2728	Cẩm 6b.1	2 585		2 585		CBPT	
6		THAN MIỀN NAM	11/9	439	25/9	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400		1 400			
							Cẩm 5a.1	1 750		1 750			
7		XNK THAN VINACOMIN	11/9	453	25/9	QN 7237	Cẩm 6a.1	5 312		5 312		CBPT	
V		TÀU XUẤT KHẨU						41 500	27 057	14 443			
		Tàu đã làm hàng						41 500	27 057	14 443			
1		BỈ	04/09	31/9		MV MERCURY RISING	CỤC 4A.3	8 250	8 250		DỖ		
							CỤC 5B.2	8 250	2 429	5 821	DỖ		
2		NHẬT BẢN	05/09	32/9		MV GOLDEN CENTURY	CỤC 5A.1	25 000	16 378	8 622	DỖ		KVCP:18.000 - TTHG:7.000
		Tàu đã làm lệnh											
VI		TÀU NHẬP KHẨU			ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH			30 000	19 900	10 100			
		Tàu đã làm hàng						30 000	19 900	10 100			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 09 NĂM 2025

[illegible]

